BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

ĐẶNG THỊ NGUYỆT LUÂN

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP TRONG THẨM ĐỊNH TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG - CHI NHÁNH BÌNH ĐỊNH

Chuyên ngành : Kế toán

Mã ngành : 60.34.03.01

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN

Đà Nẵng 2017

Công trình được hoàn thành tại

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **PGS. TS. NGÔ HÀ TẤN**

Phản biện 1: **PGS.TS. ĐƯỜNG NGUYỄN HƯNG**

Phản biện 2: **PGS.TS. CHÚC ANH TÚ**

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Kế toán họp tại Đại học Kinh tế Đà Nẵng vào ngày 17 tháng 05 năm 2017.

** Có thể tìm hiểu luận văn tại :*

- Trung tâm thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Ngân hàng ra đời và phát triển gắn liền với sự ra đời và phát triển của nền kinh tế hàng hóa để giải quyết nhu cầu phân phối vốn, nhu cầu thanh toán…phục vụ cho phát triển, sản xuất kinh doanh và tiêu dùng của xã hội.. Ngân hàng thương mại là trung gian tài chính, có vai trò quan trọng góp phần thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế. Trong các hoạt động kinh doanh của ngân hàng, hoạt động tín dụng là một khâu then chốt, đem lại nguồn thu chủ yếu cho các ngân hàng thương mại. Tuy nhiên đây cũng là hoạt động tiềm ẩn nhiều rủi ro. Rủi ro dẫn đến sự đổ vỡ về tín dụng sẽ gây hậu quả nghiêm trọng không những cho bản thân ngân hàng mà còn ảnh hưởng đến cả nền kinh tế. Điều này đòi hỏi các ngân hàng trong hoạt động tín dụng phải xây dựng cho mình một quy trình tín dụng chặt chẽ, khoa học và hiệu quả.

Mặt khác, trong bối cảnh nền kinh tế thế giới đã và đang trong quá trình toàn cầu hóa, từng bước hội nhập kinh tế khu vực và thế giới không còn là sự lựa chọn của bất kỳ một quốc gia nào mà nó đang là xu thế tất yếu bắt buộc các quốc gia phải thực hiện để đưa nền kinh tế nước mình vào quỹ đạo chung của nền kinh tế thế giới. Nước ta cũng đang trong quá trình phát triển và hội nhập, đòi hỏi các ngân hàng thương mại phải nâng cao năng lực cạnh tranh, năng lực quản lý và đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả. Trước mỗi quyết định tài trợ, ngân hàng thương mại luôn phải cân nhắc kỹ lưỡng, ước lượng khả năng rủi ro dựa trên phân tích các khía cạnh tài chính, phi tài chính theo một quy trình nghiệp vụ nghiêm ngặt, mang tính khoa học và phân tích báo cáo tài chính khách hàng là một trong những nội dung đó. Phân tích báo cáo tài chính của khách hàng vay vốn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc đánh giá tình hình tài chính, khả năng thanh khoản, khả năng trả nợ của khách hàng giúp cán bộ tín

dụng đi đến quyết định có cho vay hay không, từ đó giảm thiểu rủi ro trong hoạt động cho vay, nâng cao hiệu quả hoạt động của ngân hàng. Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển của nền kinh tế, đã có nhiều doanh nghiệp mới thành lập cũng như các công ty mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh có nhu cầu vay vốn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Bình Định. Trước đây ở chi nhánh chủ yếu cho vay cá nhân, do đó quy trình thẩm định tín dụng nói chung và phân tích báo cáo tài chính nói riêng còn chưa hoàn thiện, có nhiều thiếu sót. Chính vì vậy mà tác giả chọn nghiên cứu đề tài: **"Hoàn thiện phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp trong thẩm định tín dụng tại ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Bình Định."**

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hoá những vấn đề lý luận cơ bản về phân tích báo cáo tài chính của doanh nghiệp vay vốn ở ngân hàng thương mại.

- Phân tích thực trạng công tác phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần VPBank – CN Bình Định.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác phân tích báo cáo tài chính của doanh nghiệp vay vốn ở Ngân hàng thương mại cổ phần VPBank – CN Bình Định.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: công tác phân tích báo cáo tài chính của doanh nghiệp vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần VPBank – Chi nhánh Bình Định.

- Phạm vi nghiên cứu:

+ Về không gian: Ngân hàng thương mại cổ phần VPBank – Chi nhánh Bình Định.

+ Về thời gian: Luận văn sử dụng số liệu liên quan đến phân tích báo cáo tài chính của khách hàng, số liệu thu thập từ năm 2014 - 2016.

4. Phương pháp nghiên cứu:

- Thu thập dữ liệu

+ Dữ liệu thứ cấp: Thu thập số liệu từ báo cáo tài chính của các doanh nghiệp đang vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần VPBank - Bình Định.

+ Dữ liệu sơ cấp: Phỏng vấn cán bộ tín dụng, thu thập thông tin tại Ngân hàng thương mại cổ phần VPBank - Bình Định.

- Xử lý dữ liệu: Các tài liệu, số liệu thu thập được phân tích, diễn giải, so sánh, đánh giá đồng thời đối chiếu với các quy định hiện tại của Ngân hàng. Từ đó rút ra kết luận về thực trạng công tác phân tích báo cáo tài chính trong quy trình thẩm định tín dụng đối với doanh nghiệp vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần VPBank - Chi nhánh Bình Định.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

- Về mặt lý luận: Luận văn đã hệ thống hoá, làm rõ cơ sở lý luận về phân tích báo cáo tài chính của doanh nghiệp vay vốn ở ngân hàng thương mại.

- Về mặt thực tiễn: Từ phân tích và đánh giá thực trạng công tác phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp vay vốn ở Ngân hàng thương mại cổ phần VPBank – Chi nhánh Bình Định, luận văn đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác phân tích báo cáo tài chính trong thẩm định tín dụng tại Ngân hàng thương mại cổ phần VPBank – Chi nhánh Bình Định.

6. Kết cấu đề tài

- Chương 1: Cơ sở lý luận về phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp trong thẩm định tín dụng của các ngân hàng thương mại.

- Chương 2: Thực trạng công tác phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp vay vốn ở Ngân hàng thương mại cổ phần VPBank – Chi nhánh

Bình Định.

- Chương 3: Hoàn thiện công tác phân tích báo cáo tài chính của doanh nghiệp vay vốn Ngân hàng thương mại cổ phần VPBank – Chi nhánh Bình Định.

7. **Tổng quan tài liệu nghiên cứu**

CHƯƠNG 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP TRONG THẨM ĐỊNH TÍN DỤNG Ở NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1 NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VÀ HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG TRONG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1.1 Ngân hàng thương mại

a. Khái niệm ngân hàng thương mại

b. Chức năng của ngân hàng thương mại

c. Các hoạt động cơ bản của ngân hàng thương mại

1.1.2 Hoạt động tín dụng trong ngân hàng thương mại

a. Khái niệm tín dụng ngân hàng

b. Vai trò của tín dụng ngân hàng

c. Rủi ro trong hoạt động tín dụng của ngân hàng

Rủi ro tín dụng là những nguy cơ dẫn đến những tổn thất tiềm tàng mà ngân hàng phải gánh chịu. Rủi ro tín dụng xảy ra khi người cho vay không trả hoặc không hoàn trả đúng hạn hoặc không trả đầy đủ gốc và lãi cho ngân hàng. Như vậy rủi ro tín dụng liên quan đến khả năng trả nợ của khách hàng. Có hai trường hợp đó là rủi ro mất vốn và rủi ro sai lệch.

Nguyên nhân dẫn đến rủi ro:

- Nguyên nhân từ phía Ngân hàng
- Nguyên nhân từ phía khách hàng
- Các nguyên nhân khách quan khác

1.2 BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP TRONG THẨM ĐỊNH TÍN DỤNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.2.1 Báo cáo tài chính doanh nghiệp

BCTC DN là báo cáo tổng hợp, phản ảnh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của DN. Qua BCTC sẽ cung cấp thông tin cần thiết về tình hình tài chính của DN cho những người cần sử dụng để làm cơ sở cho các quyết định kinh tế có liên quan.

BCTC DN bao gồm bốn báo cáo sau:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

1.2.2 Sự cần thiết phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp trong thẩm định tín dụng tại NHTM

Phân tích BCTC DN là một tập hợp các khái niệm, phương pháp và công cụ cho phép thu thập và xử lý thông tin kế toán và các thông tin khác nhằm đánh giá tình hình tài chính của DN vay vốn, đánh giá rủi ro, mức độ và chất lượng, hiệu quả hoạt động của DN, khả năng và tiềm lực của DN, giúp ngân hàng có căn cứ để đưa ra các quyết định tài trợ. [3, tr 102]

1.3 NỘI DUNG PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP TRONG THẨM ĐỊNH TÍN DỤNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.3.1 Phân tích cấu trúc và cân bằng tài chính

a. Phân tích cấu trúc tài sản

Phân tích cấu trúc tài sản nhằm đánh giá những đặc trưng trong cơ cấu

tài sản của DN, tính hợp lý trong đầu tư vốn cho hoạt động kinh doanh như: Tiền và các khoản tương đương tiền, Hàng tồn kho, Tài sản cố định.

b. Phân tích cấu trúc nguồn vốn

Phân tích cấu trúc nguồn vốn cung cấp thông tin về chính sách tài trợ của DN, mức độ an toàn, tính ổn định tài chính và rủi ro về tài chính của DN.

Phân tích tính tự chủ tài chính của DN: Thông qua chỉ tiêu tỷ suất nợ và tỷ suất tự tài trợ.

c. Phân tích cân bằng tài chính

Nhằm đánh giá cân bằng tài chính trong ngắn hạn và dài hạn ta đi phân tích các chỉ tiêu vốn lưu động ròng, nhu cầu vốn lưu động ròng và ngân quỹ ròng.

1.3.2 Phân tích các hệ số tài chính.

a. Phân tích các hệ số thanh toán

Thông qua các chỉ tiêu: Khả năng thanh toán hiện hành, khả năng thanh toán nhanh, khả năng thanh toán tức thời.

b. Phân tích hệ số hoạt động

Thông qua các chỉ tiêu: Số quay vòng hàng tồn kho, số vòng quay các khoản phải thu

c. Phân tích các hệ số sinh lợi:

Thông qua các chỉ tiêu: Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần (ROS), tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA), tỷ suất sinh lời kinh tế của tài sản (RE), tỷ suất sinh lời VCSH (ROE)

1.4 CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP TRONG HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.4.1 Các nhân tố thuộc về ngân hàng.

1.4.2 Các nhân tố thuộc về doanh nghiệp

1.4.3 Các nhân tố khác.

CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP TRONG THẨM ĐỊNH TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG - CHI NHÁNH BÌNH ĐỊNH

2.1 TỔNG QUAN VỀ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG - CHI NHÁNH BÌNH ĐỊNH.

2.1.1 Chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm hoạt động của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng- Chi nhánh Bình Định.

2.1.2 Cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Bình Định

2.1.3 Tình hình hoạt động của VPBank – CN Bình Định.

2.1.4 Quy trình cấp tín dụng tại VPBank – CN Bình Định

2.2 CÔNG TÁC PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP TRONG THẨM ĐỊNH TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG – CHI NHÁNH BÌNH ĐỊNH

2.2.1 Phân tích báo cáo tài chính của DN vay vốn

a. Phân tích tình hình tài chính qua BCĐKT

Cán bộ tín dụng tính tỷ trọng các chỉ tiêu nổi bật trong tổng tài sản/ nguồn vốn. Sau đó tiến hành xem xét mức độ và tốc độ biến động của tổng tài sản/ nguồn vốn cũng như từng loại tài sản/ nguồn vốn cụ thể, giải thích nguyên nhân của sự biến động này. Từ đó có cái nhìn tổng thể về cấu trúc tài sản/ nguồn vốn của DN khách hàng.

b. Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh

Cán bộ tín dụng tiến hành phân tích kết quả hoạt động kinh doanh trong những năm qua. Xem xét sự biến động của doanh thu và chi

phí, tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu thuần, so sánh sự biến động của chỉ tiêu này qua các năm và giải thích nguyên nhân của việc tăng trưởng/suy giảm trong thời gian qua.

2.2.2 Phân tích các hệ số tài chính

a. Phân tích hệ số thanh toán

Cán bộ tín dụng tiến hành tính toán các hệ số thanh toán nhằm đánh giá xem liệu DN khách hàng có khả năng thanh toán các nghĩa vụ phải trả ngắn hạn hay không?Tại VPBank- CN Bình Định, việc phân tích hệ số thanh toán bao gồm: phân tích khả năng thanh toán hiện hành và khả năng thanh toán nhanh.

b. Phân tích hệ số cơ cấu tài chính

Cán bộ tín dụng tiến hành phân tích cơ cấu tài chính thông qua việc đánh giá tỷ suất nợ trên tổng nguồn vốn và tỷ suất nợ trên VCSH và giải thích nguyên nhân tăng giảm.

c. Phân tích hệ số hoạt động

Cán bộ tín dụng tiến hành phân tích các chỉ tiêu về vòng quay các khoản phải thu, kỳ thu tiền bình quân, số vòng quay hàng tồn kho. Từ đó tìm hiểu nguyên nhân của việc tăng/ giảm các chỉ tiêu này để đưa ra nhận xét về hiệu quả hoạt động của DN.

d. Phân tích hệ số khả năng sinh lợi

2.2.3 Lập tờ trình tín dụng và đề xuất giới hạn tín dụng.

2.3 MINH HỌA PHÂN TÍCH BCTC CỦA MỘT SỐ DOANH NGHIỆP Ở VPBANK – CN BÌNH ĐỊNH.

2.3.1 Phân tích BCTC của Công ty CP Xây dựng An Nghĩa

a. Một số vấn đề liên quan về vay vốn của Công ty CP XD An Nghĩa

b. Nội dung phân tích BCTC của Công ty CP XD An Nghĩa

b1. Phân tích cấu trúc tài sản, nguồn vốn

Bảng 2.3: Phân tích cấu trúc tài sản của Công ty CP XD An Nghĩa

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2015	TT	2016	TT	Biến động qua 2 năm	
					Mức	%
1. Tiền và các khoản đương tiền	542,550	21%	365,800	14%	-176,750	-33%
2.Nợ phải thu	569,360	22%	883,510	33%	314,150	55%
3.Giá trị HTK	351,290	14%	418,680	16%	67,390	19%
4. Giá trị còn lại của TSCĐ	942,480	37%	929,270	35%	-13,210	-1%
5. Tổng tài sản	2,556,300	100%	2,690,550	100%	134,250	5%

Nguồn: Tính từ BCĐKT Công ty (Phụ lục 1a)

Bảng 2.4: Phân tích cấu trúc nguồn vốn của Công ty CP XD An Nghĩa

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Biến động qua 2 năm	
			Mức	%
1. Nợ Phải Trả	759,870	775,000	15,130	2%
2.Vốn chủ sở hữu	1,796,440	1,915,560	119,120	7%
3.Tổng Nguồn Vốn	2,556,300	2,690,550	134,250	5%
4.Tỷ suất nợ	30%	29%	-1%	
5.Tỷ suất tự tài trợ	70%	71%	1%	
6.Tỷ suất nợ trên VCSH	42%	40%	-2%	

Nguồn: Nguồn: Tính từ BCĐKT Công ty (Phụ lục 1a)

b2. Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh:

- Mục đích: đánh giá khái quát hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty CP XD An Nghĩa, chú trọng đến lợi nhuận và khả năng trả nợ ngân hàng.

- Nguồn số liệu phân tích: BCKQHĐKD Công ty CP XD An Nghĩa

- Tiến hành phân tích: Xem xét lợi nhuận của công ty có đủ lớn không, phản ánh việc kinh doanh của công ty có hiệu quả không? Xem xét các yếu tố liên quan đến lợi nhuận: doanh thu, chi phí, nguyên nhân của việc tăng, giảm trong thời gian qua, nguyên nhân này mang yếu tố chủ quan hay khách quan?

- Nội dung phân tích: Được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 2.5: Phân tích kết quả HĐKD của Công ty CP XD An Nghĩa

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	**Năm 2015**	**Năm 2016**	**Biến động qua 2 năm**	
			Mức độ	**Tốc độ (%)**
Doanh thu thuần	2,296,170	3,653,490	1,357,320	59.11%
Giá vốn hàng bán	1,858,700	2,950,370	1,091,670	58.73%
Doanh thu hoạt động tài chính	45,800	22,390	-23,410	-51.11%
Chi phí tài chính	4630	6750	2,120	45.79%
Chi phí bán hàng và chi phí QLDN	261,470	390,070	128,600	49.18%
Lợi nhuận kế toán trước thuế	499,210	354,780	-144,430	-28.93%
Thuế TNDN	55,040	79,800	24,760	44.99%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	444,170	274,980	-169,190	-38.09%

Nguồn: Tính từ BCKQHĐKD của Công ty (Phụ lục 1b)

b3. Phân tích các hệ số tài chính

- Mục đích: Đánh giá khả năng thanh toán có an toàn hay không, khả năng sinh lợi, các chỉ tiêu về cơ cấu tài chính, các hệ số hoạt động biến động như thế nào qua các năm. Từ đó đánh giá khả năng trả nợ vay ngân hàng của Công ty trong hiện tại và tương lai để có các đề xuất tín dụng phù hợp.

- Nguồn số liệu phân tích: BCĐKT, BCKQHĐKD của Công ty CP XD An Nghĩa.

- Tiến hành phân tích: Phân tích khả năng thanh toán: khả năng thanh toán hiện hành, khả năng thanh toán nhanh; Phân tích cơ cấu tài chính: Tỷ suất nợ, Tỷ suất nợ trên VCSH; Phân tích hệ số hoạt động: Số vòng quay hàng tồn kho, kỳ thu tiền bình quân; Phân tích khả năng sinh lợi: ROS, ROA, ROE.

- Nội dung phân tích: Được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 2.6: Phân tích các hệ số tài chính của Công ty CP XD An Nghĩa

Chỉ tiêu	**Năm 2015**	**Năm 2016**	**Biến động**	
			Mức độ	**Tốc độ(%)**
Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	2.03	2.23	0.20	9.84%
Khả năng thanh toán nhanh	1.53	1.67	0.14	8.98%
Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu tài chính				
Tỷ suất nợ	30%	29%	1%	-3.10%
Tỷ suất nợ trên VCSH	42%	40%	-2%	-4.35%
Nhóm chỉ tiêu hoạt động				
Số vòng quay của hàng tồn kho (vòng)	8.84	7.66	-1.17	-13.29%
Kỳ thu tiền bình quân (ngày)	90.62	65.07	-25.55	-28.20%
Nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lợi				
Hệ số lợi nhuận doanh thu thuần	9.46	9.00	-0.46	-4.88%
Tỷ suất sinh lời của tài sản	24.32	13.52	-10.79	-44.39%
Hệ số sinh lợi của VCSH	34.70	14.82	-19.89	-57.31%

Nguồn: Tính từ BCĐKT và BCKQHĐKD của Công ty (Phụ lục 1)

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán nhìn chung an toàn, công ty không có rủi ro nhiều về khả năng thanh toán. Khả năng thanh toán hiện hành của công ty qua 2 năm lớn hơn 2. Năm 2016 hệ số này là 2.23 cho thấy Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ hiện tại bằng tài sản ngắn hạn hiện có của mình. Khả năng thanh toán nhanh của công ty qua 2 năm lớn hơn 1, khả năng thanh toán nhanh của công ty cũng khá tốt.

Các chỉ tiêu về cơ cấu tài chính cho thấy tỷ suất nợ ở mức thấp. Tỷ suất nợ và tỷ suất nợ trên vốn chủ sở hữu năm 2015 là 30% và 29%, năm 2016 là 42% và 40%. Các chỉ tiêu này giảm dần qua 2 năm, đối với ngân hàng đây là tín hiệu tốt. Ở góc độ ngân hàng cho thấy cơ cấu tài chính hiện nay công ty đảm bảo an toàn vốn.

Các chỉ tiêu về khả năng hoạt động: số vòng quay hàng tồn kho giảm 13.29% qua 2 năm. Tuy nhiên với đặc thù ngành xây dựng nên công ty phải lưu giữ nhiều hàng tồn kho, cụ thể ở đây là chi phí dở dang của các công trình xây dựng do công ty nhận thầu chiếm tỷ lệ khá lớn so với tổng giá trị tài sản ngắn hạn làm cho hàng tồn kho tăng cao nhý vậy. Chính vì vậy chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho qua 2 năm như vậy cũng tương đối cao, khả năng luân chuyển hàng tồn kho của công ty được đáp ứng cho thấy công việc kinh doanh của công ty vẫn được đánh giá là tốt, khả năng hoán chuyển tài sản thành tiền đối với ngành xây dựng như vậy là tương đối cao.

Kỳ thu tiền bình quân giảm mạnh do công ty công ty đã giảm bán nợ nên đã rút ngắn kỳ đòi tiền của công ty từ 90.62 xuống còn 65.07 ngày. Đây là thành công lớn của công ty trong các giải pháp bán hàng. Do tính chất đặc thù của ngành xây dựng nên hệ số hoạt động của công ty là tương đối tốt.

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lợi đều giảm mạnh qua 2 năm, cụ thể ROS giảm 4.88%, ROA giảm 44.39%, ROE 57.31%. Tuy nhiên các chỉ

tiêu về khả năng sinh lợi luôn ở mức cao và an toàn. Xét đến chỉ tiêu ROE của công ty, năm 2016 tỷ suất ở mức 14.82 là tương đối đảm bảo và hấp dẫn đối với các nhà đầu tư.

2.4 ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP VAY VỐN TẠI VPBANK – CN BÌNH ĐỊNH

2.4.1 Những kết quả đạt được

Các cán bộ tín dụng tại VPBank- CN Bình Định cũng đã tìm hiểu về kết quả hoạt động kinh doanh của DN thông qua các nguồn thông tin thu thập được. Đồng thời xác minh được việc khai báo các số liệu trên BCTC của khách hàng đối với việc tuân thủ các quy định của pháp luật, kiểm tra được tính trung thực của BCTC thông qua đối chiếu, kiểm tra sự trình bày và khai báo các số liệu đồng thời dựa vào số liệu được trình bày để kiểm tra lại BCTC mà khách hàng cung cấp.

Qua phân tích BCTC khách hàng, VPBank- CN Bình Định đã sử dụng bốn nhóm chỉ tiêu cơ bản để đánh giá tình hình tài chính của khách hàng, bao gồm: khả năng thanh toán, cơ cấu tài chính, hiệu quả hoạt động và khả năng sinh lợi. Các chỉ tiêu được sử dụng để đánh giá tương đối đầy đủ và hợp lý.

2.4.2 Những mặt hạn chế

a. Về cơ sở số liệu phân tích

- Nguồn thông tin chủ yếu của ngân hàng hiện nay vẫn là các BCTC trong hồ sơ vay vốn. Trong hồ sơ vay vốn lại chỉ yêu cầu BCĐKT và BCKQHĐKD. Việc thiếu hụt hẳn đi BCLCTT và TMBCTC là một khuyết điểm trong phân tích BCTC DN hiện nay. BCĐKT và BCKQHĐKD là các báo cáo chỉ phản ánh con số kế toán chứ chưa phản ánh được các dòng tiền thực sự của DN. BCLCTT cung cấp thông tin về

những dòng tiền vào, ra của DN trong cả kỳ, nó thể hiện một cách chính xác nhu cầu về tiền mặt cho hoạt động sản xuất kinh doanh, chính sách thương mại DN đang áp dụng cho bạn hàng hay những nguồn có thể trả nợ của DN. BCLCTT còn là cơ sở để tính toán các chỉ tiêu bổ sung cho việc đánh giá khả năng thanh toán của DN được đầy đủ, chính xác hơn.

- Cán bộ tín dụng chỉ dựa vào các thông tin trên BCTC do DN khách hàng cung cấp để phân tích, đánh giá tình hình tài chính của khách hàng. Trên thực tế, cán bộ tín dụng chưa có phương pháp khai thác thông tin hiệu quả từ khách hàng, chưa kiểm tra thực tế tình hình sản xuất kinh doanh của DN cũng như chưa kết hợp các nguồn thông tin khác như: đối tác chính của DN, đối thủ cạnh tranh…Do đó việc đánh giá chưa thực sự chính xác, khách quan.

- Các ngân hàng hiện nay cạnh tranh gay gắt, do đó khó có thể trao đổi thông tin về DN giữa các ngân hàng với nhau.

b. Về nội dung phân tích

Nội dung phân tích chưa đầy đủ, còn những mặt hạn chế như:

- Các chỉ tiêu tài chính được đưa ra phân tích nhưng chưa đầy đủ, thiếu các chỉ tiêu quan trọng như: Khả năng thanh toán tức thời, tỷ suất sinh lời kinh tế của tài sản (RE), khả năng thanh toán lãi vay, độ lớn đòn bẩy tài chính.

- Khi phân tích tình hình tài chính khách hàng, các nhóm chỉ số được tính ra song chủ yếu là so sánh ngang, tức là so sánh qua các năm của DN để nói lên xu hướng tăng, giảm của nó. Việc so sánh dọc như so sánh với mức trung bình ngành…còn rất hạn chế. Trong phân tích BCTC DN, cán bộ thẩm định chưa xây dựng các chỉ số trung bình ngành để so sánh. Tuy nhiên đây lại là cách so sánh giúp các cán bộ tín dụng có thể đưa ra kết luận khả quan nhất, do đó đã làm cho nhận định của cán bộ tín

dụng kém phần chính xác ở một số chỉ tiêu phân tích đối với từng ngành nghề kinh doanh.

- Thiếu nội dung phân tích cân bằng tài chính, do đó chưa đánh giá được cân bằng tài chính trong ngắn hạn và dài hạn của DN.

- Để đưa ra quyết định cho vay còn có phần dựa vào kinh nghiệm chủ quan của cán bộ tín dụng. Các chỉ tiêu tài chính, phi tài chính tuy nêu ra nhiều nhưng thực sự chưa khai thác hiệu quả và còn phụ thuộc nhiều vào lý thuyết khi áp dụng. Bên cạnh đó công tác phân tích BCTC của khách hàng chỉ được thực hiện một lần khi thẩm định cho vay, việc dõi theo, giám sát tình hình tài chính của khách hàng trong và sau cho vay chưa được thực hiện đầy đủ.

CHƯƠNG 3
HOÀN THIỆN PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP VAY VỐN TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG - CHI NHÁNH BÌNH ĐỊNH

3.1 CĂN CỨ VÀ YÊU CẦU HOÀN THIỆN PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP TRONG THẨM ĐỊNH TÍN DỤNG Ở VPBANK – CN BÌNH ĐỊNH.

3.1.1 Căn cứ hoàn thiện phân tích BCTC DN tại VPBank – CN Bình Định

3.1.2 Yêu cầu hoàn thiện phân tích BCTC DN tại VPBank – CN Bình Định

- Phân tích BCTC DN phải phản ánh chính xác, đầy đủ thông tin cần thiết về tình hình tài chính của DN vay vốn thông qua các chỉ tiêu phân tích.
- Cơ sở số liệu phân tích phải được thu thập đầy đủ, chính xác.
- Bổ sung các nội dung phân tích quan trọng còn thiếu
- Sử dụng phương pháp so sánh với các số gốc được chọn để so sánh

3.2 GIẢI PHÁP NHẰM HOÀN THIỆN PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP TRONG THẨM ĐỊNH TÍN DỤNG TẠI VPBANK - CHI NHÁNH BÌNH ĐỊNH

3.2.1 Hoàn thiện công tác thu thập số liệu phục vụ phân tích BCTC

a. Tăng cường tìm hiểu tiếp xúc khách hàng

b. Yêu cầu khách hàng cung cấp đầy đủ các BCTC

3.2.2 Hoàn thiện một số nội dung phân tích BCTC DN

a. Bổ sung chỉ tiêu phân tích BCTC

- Phân tích chỉ tiêu khả năng thanh toán tức thời:

Bảng 3.1: Phân tích khả năng thanh toán tức thời Cty CP XD An ghĩa

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	**Năm 2015**	**Năm 2016**
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	542,550	365,800
2. Nợ ngắn hạn	759,170	774,300
3. Khả năng thanh toán tức thời	0.71	0.47

Nguồn: Tính từ BCĐKT của Công ty (Phụ lục 1a)

Qua bảng ta thấy khả năng thanh toán tức thời của công ty là khá tốt. Hệ số thanh toán tức thời giảm qua 2 năm, cụ thể năm 2015 và 2016 lần lượt là 0.71 và 0.47. Tuy nhiên có thể thấy hệ số thanh toán tức thời năm 2015 ở mức 0.71 là rất cao, tiền dự trữ quá nhiều là không tốt, đến năm 2016 hệ số này ở mức 0.47 là tốt đối với công ty.

- Phân tích tỷ suất sinh lời kinh tế của tài sản (RE)

Bảng 3.3: Phân tích chỉ tiêu RE của Công ty CP XD An Nghĩa

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
1. Lợi nhuận trước thuế	499,210	354,780
2. Chi phí lãi vay	3,840	6,070
3. LNTT và lãi vay (3=1+2)	503,050	360,850
4. Tổng TS bình quân	2,052,865	2,623,425
5. Tỷ suất sinh lời kinh tế của tài sản (RE) (%) (6=3/4*100)	24.50	13.75

Nguồn: Tính từ BC ĐKT và BCKQHĐKD của Công ty (Phụ lục 1)

Qua bảng phân tích ta thấy tỷ suất sinh lời kinh tế của tài sản giảm mạnh qua 2 năm. Cụ thể năm 2015 ở mức 24.50%, đến năm 2016 giảm còn 13.75%. Nguyên nhân là do tổng tài sản bình quân năm 2016 tăng mạnh trong khi LNTT lại giảm. Tuy nhiên so với lãi suất vay của VPBank năm 2016 là 13% thì RE vẫn còn lớn hơn r. Do vậy việc vay nợ của công ty nếu vẫn giữ được hiệu quả kinh doanh như cũ sẽ làm cho hiệu quả tài chính của công ty tăng lên. Đây cũng là một yếu tố để xem xét quyết định cấp tín dụng cho công ty.

- *Phân tích khả năng thanh toán lãi vay:*

Bảng 3.5: Phân tích khả năng thanh toán lãi vay của C.ty CP XD An Nghĩa

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
1. Lợi nhuận trước thuế	499,210	354,780
2. Chi phí lãi vay	3,840	6,070
3. LNTT+ chi phí lãi vay	503,050	360,850
4. Khả năng thanh toán lãi vay	131	59

Nguồn: Tính từ BCKQHĐKD của Công ty (Phụ lục 1b)

Qua bảng phân tích ta thấy khả năng thanh toán lãi vay của công ty giảm mạnh qua 2 năm. Cụ thể giảm từ 131 năm 2015 xuống còn 59 trong 2016. Tuy nhiên hệ số này vẫn ở mức tương đối cao. Thu nhập của công ty cao gấp 59 lần so với chi phí trả lãi năm 2016. Như vậy có thể nói khả năng thanh toán lãi vay của công ty là tốt.

b. Bổ sung nội dung phân tích cân bằng tài chính

Bảng 3.7: Phân tích cân bằng tài chính Công ty CP XD An Nghĩa

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	**Năm 2015**	**Năm 2016**
1. Nguồn vốn thường xuyên	1,796,440	1,915,560
2. TSCĐ & ĐTDH	942,480	929,270
3. Hàng tồn kho	351,290	418,680
4. Nợ phải thu	569,360	883,510
5. Nợ phải trả	759,170	774,300
6. VLĐ ròng (6) = (1) - (2)	853,960	986,290
7. NC VLĐ ròng (7) = (3) + (4) - (5)	161,480	527,890
8. Ngân quỹ ròng (8) = (6) - (7)	692,480	458,400

Nguồn: Tính từ BCĐKT của Công ty (Phụ lục 1a)

Qua bảng 3.7 ta thấy, công ty đạt cân bằng tài chính dài hạn trong cả 2 năm 2015 và 2016 với VLĐR > 0 chứng tỏ NVTX không những tài trợ hoàn toàn cho tài sản dài hạn mà còn một phần tài trợ cho tài sản ngắn hạn. Trong trường hợp này tài sản ngắn hạn được hình thành từ 2 nguồn: NVTX và NVTT, có nghĩa là khi bán toàn bộ tài sản ngắn hạn thì công ty thanh toán hết phần nợ ngắn hạn và còn dư một phần, phần dư này là của NVTX tài trợ cho nó. Cân bằng tài chính của công ty được đánh giá là bền vững. Với VLĐR vào năm 2015 là 853,960 (triệu đồng) đến năm 2016 tăng lên 986,290 (triệu đồng). Điều này cho thấy mức độ an toàn về nguồn vốn của công ty cao vì cả TSDH và TSNH đều được tài trợ bằng NVTX.

c. Bổ sung phân tích báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Với BCLCTT được bổ sung thêm từ Công ty TNHH Hoàng Tân được lập theo phương pháp trực tiếp (Phụ lục 2c), có thể thực hiện các nội dung phân tích như sau:

❖ Phân tích tỷ trọng dòng tiền thu chi từ các hoạt động

Đối với Công ty TNHH Hoàng Tân ta có thể tính toán và lập bảng phân tích như sau:

Bảng 3.9: Phân tích tỷ trọng dòng tiền thu, chi từ các hoạt động của Công ty TNHH Hoàng Tân

Chỉ tiêu	2015	2016	Chênh lệch
I. Tỷ trọng dòng tiền thu từ các hoạt động			
1. Tỷ trọng dòng tiền thu từ HĐKD	80,99%	75,79%	-5,20%
2. Tỷ trọng dòng tiền thu từ hoạt động ĐT	0,48%	0,02%	-0,46%
3. Tỷ trọng dòng tiền thu từ hoạt động TC	18,53%	24,19%	5,66%
II. Tỷ trọng dòng tiền chi từ các hoạt động			
1. Tỷ trọng dòng tiền chi từ HĐKD	71,70%	74,04%	2,34%
2. Tỷ trọng dòng tiền chi từ hoạt động ĐT	1,38%	1,03%	-0,35%
3. Tỷ trọng dòng tiền chi từ hoạt động TC	26,92%	24,93%	-1,99%

Nguồn: Tính từ BCLCTT của Công ty (Phụ lục 2c)

Qua bảng phân tích ta thấy: Trong các hoạt động tạo ra tiền thì HĐKD chiếm tỷ trọng lớn trong các hoạt động. Dòng tiền thu từ HĐKD năm 2016 chiếm 75,79% giảm 5,20% so với năm 2015. Dòng tiền thu từ hoạt động đầu tư chiếm tỷ trọng rất nhỏ, cụ thể năm 2016 là 0,02% giảm 0,46% so với năm 2015. Dòng tiền thu từ hoạt động tài chính năm 2016 chiếm 24,19% tăng 5,66% so với năm 2015.

Trong tổng các dòng tiền chi thì dòng tiền chi của HĐKD cũng chiếm tỷ trọng lớn. Cụ thể chiếm 74,04% tăng 2,34% so với năm 2015. Dòng tiền chi từ hoạt động đầu tư chiếm tỷ trọng nhỏ, năm 2016 chiếm 1,03% giảm 0,35% so với năm 2015. Tỷ trọng dòng tiền chi từ hoạt động tài chính năm 2016 chiếm 24,93% giảm 1,99% so với năm 2015.

Nhìn chung tỷ trọng dòng tiền thu, chi từ các hoạt động không có biến động đáng kể qua 2 năm 2015 và 2016. Xét riêng dòng tiền từ

HĐKD qua 2 năm thì dòng tiền thu luôn lớn hơn dòng tiền chi dẫn đến dòng tiền thuần từ HĐKD > 0

❖ Phân tích biến động các dòng tiền:

Từ BCLCTT năm 2015, 2016 của Công ty TNHH Hoàng Tân ta lập bảng phân tích như sau:

Bảng 3.10: Phân tích biến động các dòng tiền của Cty TNHH Hoàng Tân

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2015	2016	Biến động	
			Mức độ	Tốc độ
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	982,996	1,216,231	233,235	23.7%
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	-733,477	-971,451	-237,974	32,4%
3 Tiền chi trả cho người lao động	-104,246	-115,111	-10,865	10,4%
4 Tiền chi trả lãi vay	-4,534	-4,464	70	-1,5%
5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	-10,339	-14,897	-4,558	44,1%
7 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	54,982	51,444	-3,538	-6,4%
8 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	-147,193	-132,643	14,550	-9,9%
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**38,189**	**29,109**	**-9,080**	**-23,8%**
II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-14,281	-17,258	-2,977	20,8%
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	12	77	65	541,7%
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	-5000	0	5000	-100%
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	5,357	0	5,357	-100%
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	726	270	-456	-62,8%
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**-13,185**	**-16,911**	**-3,726**	**28,3%**

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	387,388	404,565	17,177	4,4%
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	-357,724	-404,698	-46,974	13,1%
7 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-17,636	-12,315	5,321	-30,2%
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**12,028**	**-12,448**	**-24,476**	**-203,5%**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**37,032**	**-250**	**-37,282**	**-100,6%**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	11,465	48,87	37,405	326,3%
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	372	-54	-426	-114,5%
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**48,870**	**48,566**	**-304**	**-0,62%**

Nguồn: Tính từ BCLCTT của Công ty (Phụ lục 2c)

3.2.3 Bổ sung số gốc là số trung bình ngành trong so sánh các chỉ tiêu tài chính của DN

- Đối với Công ty CP XD An Nghĩa:

Bảng 3.12: Bảng so sánh các chỉ tiêu tài chính của Công ty CP XD An Nghĩa với trung bình ngành năm 2016

Chỉ tiêu	**Công ty CP ĐT XD An Nghĩa**	**Trung bình ngành xây dựng**	**Nhận xét**
Tỷ suất nợ	29%	65%	Thấp hơn so nhiều với trung bình ngành cho thấy công ty có sự ổn định về nguồn vốn hơn so với các DN cùng ngành.
Tỷ suất tự tài trợ	71%	35%	Cao hơn rất nhiều so với trung bình ngành cho thấy mức độ tự chủ về tài chính tốt hơn nhiều DN khác cùng ngành.
Thanh toán hiện hành	223%	138%	Cao hơn nhiều so với trung bình ngành, tài sản ngắn hạn đảm bảo chi trả nợ ngắn hạn.
Thanh toán nhanh	167%	69%	Khá cao so với trung bình ngành, phản ánh một tình hình không tốt vì vốn bằng tiền quá nhiều, vòng quay vốn chậm làm giảm hiệu quả sử dụng vốn
LNTT/DTT	10%	8%	Cao hơn so với trung bình ngành, đây là dấu hiệu tốt về tình hoạt động kinh doanh của công ty

LNST/DTT	8%	6%	Cao hơn so với trung bình ngành cho thấy hoạt động kinh doanh của công ty khá tốt
ROA	14%	5%	Cao hơn rất nhiều so với trung bình ngành, cho thấy khả năng sinh lời trên tài sản của công ty là rất tốt
ROE	15%	13%	Cao hơn so với trung bình ngành, cho thấy khả năng sinh lời của VCSH cao, công ty dễ tiếp cận các nguồn vốn mới.

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ các chỉ tiêu tài chính của Công ty CP XD An Nghĩa và số liệu trung bình ngành ở bảng 3.11

Qua bảng so sánh trên có thể thấy các chỉ tiêu tài chính cơ bản của Công ty CP XD An Nghĩa đa số đều cao hơn rất nhiều so với trung bình ngành xây dựng. Điều này cho thấy tình hình tài chính và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty tốt hơn so với trung bình ngành. Công ty dễ dàng tiếp cận được các nguồn vốn mới và đây cũng là căn cứ để VPBank – CN Bình Định xem xét trong quyết định tín dụng đối với Công ty.

KẾT LUẬN CHUNG

Phân tích BCTC DN khách hàng vay vốn tại NHTM ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc ra các quyết định cấp tín dụng của ban lãnh đạo ngân hàng. Nâng cao chất lượng phân tích BCTC khách hàng đã trở thành yêu cầu mang tính cấp thiết của NHTM để đáp ứng tăng trưởng nhưng vẫn đảm bảo an toàn cho hoạt động tín dụng – hoạt động mang lại lợi nhuận chủ yếu cho các ngân hàng. Ngày nay với tình hình cạnh tranh gay gắt giữa các ngân hàng thì phân tích BCTC DN là một trong những công cụ hữu ích, qua phân tích BCTC, dựa trên sự cân đối điểm mạnh, điểm yếu của khách hàng từ đó mới có chính sách tín dụng phù hợp đối với từng DN.

Quá trình phân tích BCTC DN khách hàng hiện nay ở các NHTM đang nỗ lực chuyển đổi cả về phương pháp lẫn tư duy phân tích,

một mặt nhằm hoàn thiện phương pháp phân tích theo hệ thống chuẩn, mặt khác còn phải tạo ra tính cạnh tranh riêng cho hệ thống ngân hàng nói chung và VPBank nói riêng. Tuy nhiên, công tác phân tích BCTC hiện nay nhìn chung chưa đạt hiệu quả cao, nội dung và phương pháp phân tích chưa đầy đủ, các nhận định còn mang tính chủ quan nên các kết luận đưa ra chỉ đóng vai trò hỗ trợ chứ chưa là căn cứ chủ yếu khi ra quyết định cấp tín dụng.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu đề tài: "Hoàn thiện phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp trong thẩm định tín dụng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Bình Định", luận văn đã đạt được những mục tiêu đã đặt ra như sau:

Một là, tổng hợp lý luận về tín dụng ngân hàng, báo cáo tài chính và công tác phân tích BCTC của DN vay vốn tại NHTM.

Hai là, khái quát được tình hình hoạt động kinh doanh của VPBank – CN Bình Định, đồng thời đánh giá thực trạng công tác phân tích BCTC của DN để phục vụ việc ra quyết định cấp tín dụng. Từ việc phân tích thực trạng, luận văn đã nêu ra được những kết quả đạt được và những khó khăn hạn chế trong công tác phân tích BCTC của DN vay vốn tại VPBank – CN Bình Định. Những kết quả đạt được như: đánh giá được tính cân đối trong cấu trúc nguồn vốn và tài sản, tình hình sản xuất kinh doanh, các chỉ số tài chính chủ yếu của DN…Bên cạnh đó còn một số hạn chế như: cơ sở số liệu phân tích chưa đầy đủ, thiếu các nội dung phân tích quan trọng…

Ba là, từ những phân tích trên cơ sở lý luận và thực tiễn, luận văn đã đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện phân tích BCTC DN vay vốn tại

VPBank – CN Bình Định. Các giải pháp gồm: (1) Hoàn thiện công tác thu thập số liệu phục vụ phân tích, (2) Hoàn thiện một số nội dung phân tích, (3) Hoàn thiện, bổ sung số gốc là số trung bình ngành trong quá trình phân tích.

Để góp phần thực hiện các giải pháp trên, theo tác giả, VPBank – CN Bình Định cần chú ý một số điểm sau: Với tình hình nguồn lực về con người, về cơ sở vật chất của Chi nhánh còn nhiều hạn chế, trong thời gian tới, khi nhu cầu vay vốn của các DN khách hàng trên địa bàn tăng cao, đòi hỏi VPBank – CN Bình Định cần phải nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ tín dụng, đầu tư công nghệ và trang thiết bị hiện đại để việc phân tích BCTC được dễ dàng, nhanh chóng và mang lại hiệu quả hơn. Việc phân tích BCTC khách hàng phải được thực hiện một cách định kỳ, thường xuyên trong suốt quá trình vay vốn để nắm bắt kịp thời diễn biến tài chính cũng như hoạt động kinh doanh của DN khách hàng, qua đó có những chính sách, biện pháp phù hợp trong từng thời điểm, giai đoạn.

Qua quá trình nghiên cứu, tác giả hy vọng rằng kết quả này sẽ góp phần vào việc nâng cao chất lượng phân tích BCTC khách hàng, góp phần nâng cao chất lượng tín dụng của VPBank – CN Bình Định. Tuy nhiên do hạn chế về thời gian cũng như sự hiểu biết có hạn của tác giả nên luận văn không thể tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong được sự góp ý của các thầy, cô giáo và đồng nghiệp để luận văn được hoàn thiện hơn.

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
BAN ĐÀO TẠO